TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 851/2023/HC-PT
Ngày: 28/11/2023
"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 377/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12852/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Bùi Đắc M, sinh năm 1956; nơi cư trú: Xóm Q, thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bạch Tuyết H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1978; địa chỉ: số B phố H, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; bà H có mặt, bà L vắng mặt.

*** Người bị kiện**:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Khắc T - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C và ông Nguyễn Thanh L1 - Chuyên viên Phòng tài nguyên và Môi trường huyện C; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L1 vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

1. UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H2, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Bùi Bá C1 - Công chức địa chính xây dựng thị trấn C; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1958; trú tại: Xóm Q, thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bạch Tuyết H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1978; địa chỉ: số B phố H, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; bà H có mặt, bà L vắng mặt.

3. Ông Trịnh Xuân T1, sinh năm 1951; nơi cư trú: thôn T, thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Bùi Đắc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản đối thoại, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Ngày 11/5/2009, ông M và ông T1 đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo mẫu của UBND thị trấn C cung cấp và được UBND thị trấn C chứng thực về số thửa đất là số 322, diện tích 120m^2, địa chỉ thửa đất tại khu T, thị trấn C. Trong hợp đồng UBND thị trấn không có cảnh báo gì về đất ông M nhận chuyển nhượng là đất nằm trong hành lang giao thông. Từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông T1, gia đình ông M có sửa chữa cơi nới căn nhà cũ của ông T1 trên nền móng và tường cũ, sinh sống ổn định đến nay, không tranh chấp với các hộ liền

kề, không vi phạm hành chính về đất đai, thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 100, Điều 101 Luật đất đai và đủ điều kiện được bồi thường theo Điều 75 Luật đất đai.

Năm 2019, thực hiện giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang 2,3km đường quốc lộ 6 (đoạn km 19+20) qua địa bàn thị trấn C, huyện C; ngày 02/5/2019, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2615/QĐ-UBND thu hồi 103m^2 đất ở của gia đình ông M tại khu T, thị trấn C, huyện C và Quyết định số 2623/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông M. Ngay sau khi nhận được các quyết định trên, ông M khiếu nại và trong khi chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại (thời hiệu giải quyết khiếu nại đã hết); ngày 22/8/2019, ông M nhận được Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 14/08/2019 của UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi 103m^2 đất gia đình ông M đang sử dụng, việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện từ ngày 20/8/2019 đến 20/9/2019.

Tại Quyết định thu hồi đất của UBND huyện C xác định 103m^2 đất của gia đình ông M là đất hành lang giao thông là không đúng. Thửa đất gia đình ông M đang ở là đất nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Xuân T1 năm 2009, người được UBND xã N, thị trấn C "cấp 120m^2 đất không thuộc đất canh tác, mà để xây dựng dân cư" trong "đơn xin đất làm nhà" ngày 20/4/1982. Ngay sau đó gia đình ông T1 đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định đến khi chuyển nhượng cho ông M năm 2009. Tại thời điểm năm 1982, UBND xã N cấp đất cho ông T1 không có chỗ nào thể hiện đất nằm trong hành lang giao thông. Trước khi ông M và ông T1 mua bán đất đã đến UBND thị trấn C đề nghị chứng thực việc mua bán, chuyển nhượng. Ngày 10/5/2009, UBND huyện C đã trích đo sơ đồ thửa đất và lập "Biên bản xác nhận kích thước thửa đất" thể hiện số thửa 322, diện tích 120m^2, không có diện tích nào được xác định là hành lang giao thông.

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường nên ông M làm đơn khiếu nại. Ngày 06/9/2019, UBND huyện C ban hành quyết định số 5559/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Đắc M (quyết định này UBND huyện C không gửi cho ông M mà ông M được chụp tại Tòa án). Quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên các Quyết định số 2615/QĐ-UBND thu hồi 103m^2 đất ở của gia đình ông M tại khu T, thị trấn C, huyện C và Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông M.

Ông Mến yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5038/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện C đối với hộ ông Bùi Đắc M; Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Đắc M lần đầu.

Người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

* Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông M:

- Sử dụng đất thuộc thửa số 06, mảnh trích đo địa chính số 152 - 2018 được UBND huyện duyệt ngày 18 tháng 01 năm 2019.

- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 137,4m^2,diện tích đất thu hồi: 103,0m^2, diện tích đất còn lại ngoài phạm vi GPMB: 34,4m^2. Trong đó:

+ 50,5m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất trái thẩm quyền vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, hiện thuộc đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

+ 35,1m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất trái thẩm quyền vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thuộc hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính Phủ (Công ty Đ có văn bản xác nhận đường điện 35Kv từ B đến trung gian C được đưa vào vận hành từ năm 1965).

+ 17,4m^2 có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, hộ lấn, chiếm dụng, vi phạm Luật đất đai, Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý.

* Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Về đất: Căn cứ vào nguồn gốc đất của gia đình ông M nên không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

- Về tài sản, vật kiến trúc: Trên cơ sở nguồn gốc đất đai, hiện trạng sử dụng đất; xác nhận nguồn gốc đất đai, thời điểm xây dựng công trình của UBND thị trấn C thì hộ ông Bùi Đắc M có công trình nhà 1 tầng, tường xây gạch chỉ 110, mái lợp tôn; nhà tắm mái bằng BTCT trên đất thu hồi xây dựng năm 2009. Tuy

nhiên tại thời điểm xây dựng cơ quan có thẩm quyền không ngăn chặn kịp thời, không thiết lập hồ sơ vi phạm hành chính do vậy tài sản công trình trên đất thu hồi được hỗ trợ 10% mức bồi thường thực hiện khoản 3 Điều 14 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và các quy định khác về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Các chính sách hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Hộ ông Bùi Đắc M không bị thu hồi đất ở, bị phá dỡ toàn bộ nhà, công trình không trực tiếp ăn ở tại nơi thu hồi đất, nên hộ ông M không được các khoản hỗ trợ.

- Tái định cư: Hộ không được bố trí đất tái định cư theo quy định tại Điều 7 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Căn cứ các quy định của pháp luật về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trên cơ sở nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Bùi Đắc M ngày 02/5/2019, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2623/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Bùi Đắc M để thực hiện dự án. Tổng số tiền hỗ trợ hộ ông Bùi Đắc M được nhận 32.160.067đồng.

* Về cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ các quy định của pháp luật về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc hộ ông Bùi Đắc M cố tình không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 14/8/2019 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5038/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Đắc M để thực hiện dự án là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn C trình bày:

Nguồn gốc đất của ông M sử dụng: Ngày 11/5/2009, ông T1 và ông M đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 120m^2 và được UBND thị trấn C ký chứng thực ngày 11/5/2009. Ông M đang sử dụng 137,4m^2 tăng lên 17,4m^2; Nguyên nhân là do ông M đang sử dụng cả hành lang đường. Thời điểm bắt đầu sử dụng ổn định: ông T1 sử dụng ổn định từ 20/4/1982, ông M xây dựng lại nhà ở và ở ổn định không tranh chấp với ai từ ngày 11/5/2009.

Diện tích đất bị thu hồi tại dự án là 103m^2; trong đó: 50,5m^2 là đất ở sau ngày Quyết định 201-CP ngày 01/7/1980 của Chính phủ về thống nhất quản lý đất đai; 17,4m^2 tăng so với giấy tờ chuyển nhượng đất có nguồn gốc là đất sử dụng sau ngày Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý kịp thời. Diện tích 35,1m^2 là hành lang đường điện 35Kv theo Nghị định 161-CP ngày 20/8/1971 và Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

Quan điểm của UBND thị trấn C: Giữ nguyên các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, Quyết định khiếu nại đối với hộ ông Bùi Đắc M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân T1 trình bày: Năm 1982 ông T1 nhận chuyển nhượng 130m^2 với giá 300.000 đồng của cụ Đỗ Bá T2 hai bên không viết giấy tờ gì mà chỉ nói bằng miệng. Năm 1984, gia đình ông xây nhà cấp 4 diện tích khoảng 60m^2; Ngày 11/5/2009, ông chuyển nhượng lại đất này cho ông M hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và được UBND thị trấn C, Chủ tịch Hoàng Tiến C2 ký xác nhận chứng thực cho hợp đồng chuyển nhượng này. Kể từ đó đến nay, ông không còn liên quan gì đến thửa đất này nữa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 11, Điều 75, khoản 5 Điều 22, khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 18, Điều 36 đến Điều 39 Luật Khiếu nại; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3 Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H và khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2022, người khởi kiện ông Bùi Đắc M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định kháng nghị đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, Quyết định số 2623/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Bùi Đắc M của UBND huyện C; Buộc UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật đối với đất bị thu hồi của hộ ông Bùi Đắc M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử theo thủ tục phúc thẩm, ngày 21/11/2023, UBND thị trấn C, huyện C có Văn bản số 193/UBND-ĐC về việc cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (Văn bản số 12816/CV-TANDCCHN ngày 08/11/2023). Nhận thấy, nội dung Văn bản số 193 của UBND thị trấn C, huyện C đã đáp ứng theo nội dung mà kháng nghị phúc thẩm đã nêu ra nên ngày 27/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 2296/QĐ-VKS-HC về việc rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng nghị phúc thẩm.

Sau khi phân tích nội dung vụ án và nghe kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa đã kết luận: Tại Công văn số 12816/CV-TANCCHN ngày 08/11/2023,

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội yêu cầu UBND thị trấn C cung cấp thông tin về thời điểm ông Bùi Đắc M nhận chuyển nhượng đất từ ông T1, ông M có nộp tiền để được sử dụng đất không. Tại Văn bản phúc đáp số 193/UBND-ĐC ngày 21/11/2023, UBND thị trấn khẳng định ông Bùi Đắc M khi nhận chuyển nhượng đất chưa đóng thuế chuyển quyền sử dụng đất và thuế trước bạ. Như vậy, quá trình sử dụng đất từ khi nhận chuyển nhượng từ ông T1, ông M chưa nộp bất cứ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước, đất do UBND xã N giao trái thẩm quyền, thuộc hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ, hành lang lưới điện, vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính Phủ. Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì khi Nhà nước thu hồi không được bồi thường về đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc M là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đắc M, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Đơn kháng cáo của ông Bùi Đắc M gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung, phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính, do đó được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được Quyết định rút kháng nghị phúc thẩm số 2296/QĐ-VKS-HC ngày 27/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2022. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét

xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

- Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5038/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện C đối với hộ ông Bùi Đắc M; Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C là các quyết định hành chính do cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền ban hành, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 24/8/2019, ông Bùi Đắc M nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Bùi Đắc M, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Ngày 27/02/1982, ông Trịnh Xuân T1 có đơn xin đất làm nhà; Ngày 20/4/1982, UBND xã N đồng ý giao cho ông Trịnh Xuân T1 120m^2 đất không thuộc đất canh tác mà để xây dựng dân cư nằm phía T (Đài phát thanh C) để làm nhà ở. Ngày 11/5/2009, ông M và ông T1 đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo mẫu của UBND thị trấn C cung cấp và được UBND thị trấn C chứng thực về số thửa đất là 322, diện tích 120m^2, địa chỉ: khu T, thị trấn C. Quá trình sử dụng, ông M có sửa chữa, cơi nới căn nhà cũ của ông T1 trên nền móng và tường cũ, sinh sống ổn định đến nay, không có tranh chấp, không vi phạm hành chính về đất đai.

Căn cứ mảnh trích đo địa chính 152-2018 tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Đ1 ngày 15/8/2018 đã được UBND huyện C phê duyệt ngày 18/01/2019, thuộc thửa đất 06, mảnh trích đo địa chính số 152-2018 hiện trạng (phục vụ GPMB) dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Q đoạn Km 19+920 đến Km22+220; địa điểm thị trấn C, huyện C. Tổng diện tích hộ ông M đang sử dụng là 137,4m^2 chưa được cấp GCNQSD đất; trong đó: Diện tích đất bị thu hồi 103m^2; diện tích đất sử dụng còn lại là 34,4m^2.

[2.2]. Xét Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, thành phố Hà Nội.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C ban hành là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 62, Điều 63, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai. Ông Bùi Đắc M nhất trí với chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án; không thắc mắc về thẩm quyền cũng như về trình tự, thủ tục khi UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất.

- Về nội dung: Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6 đoạn Km19+920 đến Km22+220; địa điểm thị trấn C, huyện C. Tổng diện tích gia đình ông M đang sử dụng là 137,4m^2 chưa được cấp GCNQSD đất, diện tích đất bị thu hồi 103m^2; Trong đó:

+ 50,5m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, hiện thuộc đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

+ 35,1m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thuộc hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính Phủ (Công ty Đ có văn bản xác nhận đường điện 35Kv từ B đến trung gian C được đưa vào vận hành từ năm 1965).

+ 17,4 m^2 có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, hộ lấn, chiếm dụng, vi phạm Luật đất đai, Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý.

+ Diện tích đất sử dụng còn lại là 34,4m^2.

Căn cứ quy định của pháp luật về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trên cơ sở nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Bùi Đắc M; sau khi thực hiện quy trình về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, ngày 02/5/2019 UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2615/QĐ-UBND

về việc thu hồi 103,0m^2 đất của ông Bùi Đắc M để thực hiện dự án là đúng quy định. Ông M cho rằng thửa đất nêu trên hộ ông T1 được UBND xã N giao từ ngày 20/4/1982, năm 2009 ông T1 đã chuyển nhượng lại cho gia đình ông M và gia đình ông M sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến khi giải phóng mặt bằng, không tranh chấp nên khi thu hồi phải được bồi thường về đất. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất, ông M không có giấy tờ chứng minh đã nộp bất cứ khoản tiền nào để được sử dụng đối với thửa đất nêu trên (ông T1 chưa nộp tiền sử dụng đất, ông M chưa đóng thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuế trước bạ). Mặt khác, thửa đất nêu trên UBND xã N xác nhận theo đơn xin đất ở tháng 2/1982 cho hộ ông T1 là vi phạm khoản 2 Mục V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ. Trong tổng diện tích 103m^2 đất hộ ông M bị thu hồi có 50,5m^2 đất có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; 17,4 m^2 có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, hộ lấn, chiếm dụng, vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý; 35,1m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã N xác nhận giao đất vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thuộc hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính Phủ không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Do đó, Quyết định thu hồi đất số 2615/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C ban hành là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.3]. Xét Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ông Bùi Đắc M nhất trí với diện tích đất và tài sản trên đất đã được kiểm đếm; đồng ý với hạn mức đất đã xác định và không thắc mắc về thẩm quyền cũng như về trình tự, thủ tục ban hành quyết định. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 69 Luật đất đai 2013 thì việc UBND huyện C ban hành Quyết định trên về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư để thực hiện dự án cho hộ ông M là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, diện tích đất thu hồi của hộ ông M do UBND xã N giao trái thẩm quyền, vi phạm khoản 2 Mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; một phần là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, hộ lấn chiếm, chiếm dụng vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; một phần thuộc hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính Phủ; không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Trên cơ sở nguồn gốc đất đai, hiện trạng sử dụng đất; xác nhận nguồn gốc đất đai, thời điểm xây dựng công trình của UBND thị trấn C thì hộ ông Bùi Đắc M có công trình nhà 1 tầng, tường xây gạch chỉ 110, mái lợp tôn; nhà tắm mái bằng bê tông cốt thép trên đất thu hồi xây dựng năm 2009. Tuy nhiên tại thời điểm xây dựng cơ quan có thẩm quyền không ngăn chặn kịp thời, không thiết lập hồ sơ vi phạm hành chính; do vậy tài sản công trình trên đất thu hồi được hỗ trợ 10% mức bồi thường thực hiện khoản 3 Điều 14 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và các quy định khác về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định.

Hộ ông Bùi Đắc M không bị thu hồi đất ở, bị phá dỡ toàn bộ nhà, công trình, không trực tiếp ăn ở tại nơi thu hồi đất nên không được các khoản hỗ trợ, tái định cư là đúng theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Vì vậy, Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định pháp luật.

[2.4]. Xét Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) của ông Bùi Đắc M.

Quá trình tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng, ông M không đồng ý với quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư của UBND huyện C nên ông M đã có đơn khiếu nại. Ngày 06/9/2019, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5559/QĐ-UBND đối với hộ ông M là có căn cứ, đúng trình tự, thẩm quyền và đảm bảo quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về hủy Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) của ông Bùi Đắc M.

[2.5]. Xét Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông M.

- Về thẩm quyền, trình tự thủ tục: Căn cứ quy định tại khoản 3; điểm b, khoản 5, Điều 71 Luật Đất đai; khoản 5, Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế. Do đó việc Chủ tịch UBND huyện C ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất nêu trên đối với hộ ông M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Về nội dung: Ngày 20/5/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn C, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị trấn C vận động, thuyết phục hộ ông M nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Song hộ ông M cố tình không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không chấp hành việc bàn giao đất theo quyết định thu hồi để thực hiện dự án.

Ngày 28/5/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn C, Tổ công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị trấn C lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả theo phương án đã được phê duyệt vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện theo quy định.

Căn cứ các quy định của pháp luật về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc hộ ông Bùi Đắc M cố tình không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 14/8/2019 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5038/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Đắc M để thực hiện dự án là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên có cơ sở kết luận: Việc UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Đắc M là đúng quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định pháp luật không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc M là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm,

người khởi kiện ông Bùi Đắc M kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới bảo vệ cho quan điểm của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ Quyết định rút kháng nghị phúc thẩm số 2296/QĐ-VKS-HC ngày 27/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Đức M2; Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Bùi Đắc M được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hải